

Số:1552 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 29 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu vực Bắc Lý,
huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Thông báo số 783-TB/TU ngày 27/12/2021 của Tỉnh ủy;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo số 568/BC-SXD ngày 22/12/2021; UBND huyện Hiệp Hòa tại Tờ trình 409/TTr-UBND ngày 21/12/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu vực Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2000), với các nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án:

Quy hoạch phân khu Khu vực Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000) (điều chỉnh tên đồ án theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt). Tên đồ án theo nhiệm vụ đã được phê duyệt tại Quyết định số 764/QĐ-UBND ngày 04/10/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang: Quy hoạch phân khu Khu vực Phố Hoa, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (tỷ lệ 1/2.000).

2. Ranh giới và phạm vi nghiên cứu:

a) Vị trí khu đất, ranh giới nghiên cứu:

- Phạm vi nghiên cứu lập Quy hoạch phân khu Khu vực Bắc Lý bao gồm toàn bộ phạm vi địa giới hành chính xã Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa; ranh giới lập quy hoạch được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Thường Thắng và xã Danh Thắng;
- Phía Nam: Giáp xã Châu Minh và xã Hương Lâm;
- Phía Đông: Giáp xã Đoàn Bái và xã Đông Lỗ;
- Phía Tây: Giáp xã Mai Trung, xã Xuân Cẩm và xã Hương Lâm.

b) Quy mô đồ án:

Quy mô diện tích lập quy hoạch khoảng 1.289,68ha;

Quy mô dân số đến năm 2035: Khoảng 25.000 người.

c) Tính chất:

Khu vực nghiên cứu được xác định là khu đô thị đa chức năng, trung tâm phát triển quan trọng của đô thị Hiệp Hòa trong tương lai, nằm ở phía Nam của thị trấn Thắng, với trọng tâm là khu đô thị trung tâm, phát triển trên cơ sở nâng cấp và mở rộng khu vực thị tứ Phố Hoa hiện nay, đồng thời cải tạo, nâng cấp các khu dân cư hiện hữu để đạt tiêu chuẩn đô thị, khai thác tiềm năng và lợi thế của các trục giao thông chính theo hướng Bắc - Nam và Đông - Tây;

Là khu vực được bổ sung một số chức năng đô thị mới, đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở cũng như đô thị và dịch vụ du lịch sinh thái, gắn với cảnh quan nông nghiệp, dịch vụ đô thị hiện đại, đồng bộ, thân thiện với môi trường;

Khai thác không gian sinh thái nông nghiệp, phát huy bản sắc và giá trị đặc trưng của khu vực thiết kế, đóng góp vào quá trình phát triển nông nghiệp chất lượng cao, cũng như kinh tế dịch vụ của đô thị, đồng thời, tạo ra không gian vui chơi giải trí cho người dân, với phương châm “đầu tư ít, hiệu quả cao, giá trị bền vững” nhờ tận dụng giá trị cảnh quan sinh thái nông nghiệp.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng quy hoạch sử dụng đất

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích khu vực nghiên cứu lập quy hoạch	1.289,68	100
A	Đất dân dụng	690	53,5
I	Đất xây dựng khu đô thị tập trung	605,51	46,95
1	Đất công trình công cộng cấp đô thị	5,63	0,44
-	<i>Đất trường THPT</i>	1,84	
-	<i>Đất trung tâm y tế (bệnh viện mới)</i>	3,79	
2	Đất nhóm nhà ở	351,8	27,28
-	<i>Đất nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang, có thể xen cấy công trình mới</i>	300,67	
-	<i>Đất nhóm nhà ở phát triển mới</i>	51,13	
3	Đất sử dụng hỗn hợp (có thể gồm một hoặc nhiều trong các chức năng: nhà ở, dịch vụ, giáo dục chuyên nghiệp, công trình công cộng, cơ quan văn phòng, công nghiệp sạch, cây xanh đô thị, giao thông nội bộ)	57,91	4,49
4	Đất công trình công cộng trong đơn vị ở	13,03	1,01
-	<i>Đất công trình văn hóa</i>	2,25	
-	<i>Đất công trình giáo dục</i>	9,37	
-	<i>Đất y tế</i>	0,32	
-	<i>Đất chợ</i>	1,09	
5	Đất cây xanh công cộng đô thị, TĐTT	21,29	1,65
6	Đất cơ quan	1,39	0,11
7	Đất tôn giáo, di tích	2,91	0,23
8	Đất thương mại, dịch vụ	11,98	0,93
9	Đất công nghiệp, TTCN, kho tàng	11,96	0,93
10	Đất giao thông	127,6	9,89
-	<i>Bãi đỗ xe</i>	5,78	
-	<i>Đất giao thông</i>	121,82	
II	Đất xây dựng các khu chức năng khác	84,49	6,55
1	Đất du lịch sinh thái	17,89	1,39
2	Đất nông nghiệp - dự trữ xây dựng các khu chức năng đô thị	54,99	4,26
3	Đất giao thông đối ngoại	11,61	0,9
B	Đất ngoài khu dân dụng	599,68	46,5
1	Đất quốc phòng	20,83	1,62
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1,44	0,11
3	Đất hạ tầng kỹ thuật	0,06	0

4	Đất nông nghiệp - dự trữ xây dựng các khu chức năng đô thị	16,56	1,28
5	Đất cây xanh mặt nước công cộng đô thị hoặc cây xanh nông nghiệp thủy lợi (đảm bảo mạch thoát nước)	70,16	5,44
6	Đất duy trì sản xuất nông nghiệp (đảm bảo mạch thoát nước)	408,08	31,64
7	Đất cây xanh cách ly	20,21	1,57
8	Mặt nước công cộng, sông ngòi, ...	18,60	1,44
9	Đất giao thông	43,73	3,39

4. Các giải pháp tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

4.1. Hệ thống không gian mở công cộng và cảnh quan sinh thái:

- Hệ thống không gian mở bao gồm: các khu công viên, vườn hoa, quảng trường gắn với hệ thống trung tâm đô thị; các công viên sinh thái nông nghiệp, các không gian cây xanh công cộng ven mặt nước hoặc gắn với không gian sản xuất nông nghiệp. Các không gian sinh thái này cần được thiết kế chi tiết theo hướng là không gian giao lưu công cộng;

- Tổ chức mạng lưới công viên, vườn hoa, các sân chơi công cộng trong các khu dân cư và các tuyến không gian đi bộ tạo dựng không gian xanh mở đa dạng, đáp ứng tốt nhu cầu của người dân;

- Các vùng sản xuất nông nghiệp: Duy trì và nâng cao giá trị kinh tế, cảnh quan của một số quỹ đất nông nghiệp. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất sạch, khuyến khích kết hợp hoạt động sản xuất với các dịch vụ sinh thái. Cần đảm bảo duy trì các quỹ đất nông nghiệp đã được xác định giữ lại canh tác và đảm bảo thủy lợi, thoát nước, ổn định sản xuất trong quá trình đô thị hóa;

- Tổ chức một số tuyến đường đi xe đạp, các điểm nghỉ, dừng chân, cắm trại đan xen trên đồng ruộng hoặc tại điểm tiếp giáp giữa khu dân cư và đồng ruộng. Việc tổ chức và khai thác các không gian và tiện ích công cộng đan xen trong không gian sinh thái nông nghiệp sẽ có thể tạo ra các không gian vui chơi, giải trí đa dạng, hấp dẫn hơn rất nhiều và với mức đầu tư thấp hơn so với đầu tư công viên đô thị.

4.2. Hệ thống trung tâm đô thị đa chức năng:

- Hệ thống trung tâm chính được tổ chức như sau: Khu trung tâm hành chính, văn hóa, dịch vụ - thương mại phát triển trên cơ sở nâng cấp và mở rộng khu vực thị tứ Phố Hoa hiện nay;

- Tổ chức, bổ sung và hoàn thiện hệ thống trung tâm đô thị đa chức năng (các khu đô thị hoặc tuyến phố trung tâm) gắn với các không gian cảnh quan cây xanh mặt nước công cộng, để tạo ra hệ thống trung tâm đô thị có giá trị kinh tế cao - các trọng tâm phát triển trong đô thị. Các khu trung tâm đô thị đa chức năng được xây dựng mật độ cao hợp lý, chức năng sử dụng đa dạng, linh hoạt, trong đó, ưu tiên và khuyến khích phát triển dịch vụ;

- Khuyến khích sử dụng đa chức năng trong mỗi khu vực để giảm thiểu nhu cầu đi lại, gia tăng sự sống động và an toàn trong mỗi khu vực.

4.3. Hệ thống công trình công cộng:

- Các công trình công cộng được quy hoạch phù hợp với Quy chuẩn về Quy hoạch Xây dựng, đảm bảo đáp ứng nhu cầu theo quy mô dân số dự báo cho khu vực lập quy hoạch và bán kính phục vụ. Cụ thể như sau:

- + Cải tạo, nâng cấp các công trình công cộng hiện trạng;
- + Xây mới 01 bệnh viện có diện tích khoảng 3,78ha;
- + Xây mới 03 Trường Mầm non có tổng diện tích khoảng 0,6ha;
- + Xây mới Trung tâm thể dục thể thao nằm phía Đông ĐT295.

- Bên cạnh những công trình công cộng được xác định cụ thể trong đồ án, khuyến khích phát triển thêm các công trình giáo dục, y tế, thương mại và dịch vụ khác trong các nhóm nhà ở phát triển mới, các khu hỗn hợp, theo hình thức xã hội hóa và theo nguyên tắc thị trường, nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của dân cư trong khu vực lập quy hoạch và các khu vực lân cận;

- Tổ chức không gian các công trình công cộng cần lưu ý đảm bảo: Thiết kế khoảng lùi và vỉa hè mở rộng tạo không gian thông thoáng phía trước các công trình công cộng; Tổ chức vịnh dừng xe và tổ chức các hướng tiếp cận thuận lợi vào công trình công cộng, phù hợp với tính chất và chức năng của từng công trình. Ưu tiên bố cục công trình có cạnh dài quay hướng Bắc và hướng Nam, hạn chế chiếu nắng trực tiếp vào không gian sử dụng trong công trình.

4.4. Các tuyến, trục cảnh quan chính, điểm nhấn, cửa ngõ đô thị:

a) Các tuyến, trục cảnh quan chính:

- Không gian đô thị được tổ chức nhằm hình thành và khai thác các trục cảnh quan chính. Không gian dọc theo các trục được tổ chức sinh động và đa dạng, nhưng vẫn nhấn mạnh những nét đặc trưng riêng của từng trục.

- Các trục cảnh quan đô thị gắn với các tuyến giao thông chính bao gồm:

- + Các trục đường tỉnh ĐT295, đường Tràng - Phố Hoa;
- + Trục đô thị mới song song về phía Tây đường tỉnh 295;
- + Trục đường liên khu vực theo hướng Đông - Tây (Tuyến đường N1, N2);

- Tuyến cảnh quan gắn với không gian cây xanh, mặt nước công cộng bao gồm: dọc các ngòi, kênh và tuyến cảnh quan ven mặt nước phía Nam đường Vành đai 4 (khu vực rừng cò Bắc Lý): tổ chức không gian cảnh quan và xen cây một vài chức năng dịch vụ và các tiện ích công cộng, tạo không gian giao lưu công cộng, tận dụng lợi thế về cảnh quan để phát triển dịch vụ.

b) Hệ thống công trình điểm nhấn trong đô thị:

- Vị trí tổ chức các công trình điểm nhấn là những vị trí có cảnh quan đẹp, thuận lợi đón các tầm nhìn, hướng nhìn chính trong đô thị, như: tại các điểm giao nhau của các tuyến đường giao thông chính; ven các không gian mở công cộng;

- Hình thức công trình điểm nhấn có thể là công trình có quy mô tương đối lớn, tượng trưng cho hình ảnh đô thị hiện đại, thịnh vượng, cũng có thể là công trình văn hóa, có giá trị tinh thần, đặc trưng của khu vực, hoặc là các không gian mở công cộng dạng vườn hoa, quảng trường.

4.5. Phân vùng cảnh quan đô thị theo các cấu trúc không gian đặc trưng:

- + Khu (I): Khu đô thị trung tâm Phố Hoa;
- + Khu (II): Khu vực đô thị sinh thái vườn, đan xen các quỹ đất dự trữ phát triển cho các chức năng đô thị;
- + Khu (III): Khu vực sản xuất nông nghiệp và công viên sinh thái nông nghiệp;
- + Khu (IV): Khu vực dịch vụ du lịch sinh thái;
- + Khu (V): Khu vực sản xuất công nghiệp - kho tàng.

4.6. Tổ chức thiết kế đô thị cho từng không gian đô thị đặc trưng:

a) Khu đô thị trung tâm - Khu I.

- Phát triển khu trung tâm đô thị mật độ cao hợp lý, trên cơ sở nâng cấp và mở rộng khu vực thị tứ Phố Hoa hiện nay.

- Bổ sung một số chức năng đô thị mới, đáp ứng nhu cầu phát triển nhà ở cũng như đô thị. Khuyến khích sử dụng đa chức năng ở mọi cấp độ, đảm bảo đa dạng đối tượng sử dụng trong mỗi khu vực.

- Tổ chức hệ thống không gian mở gồm các chuỗi không gian quảng trường, công viên vườn hoa, kết nối với các sân chơi công cộng, đường nội bộ trong lõi các ô phố, để tạo thành chuỗi không gian mở, ít hoặc không bị ảnh hưởng bởi giao thông cơ giới.

- Kết hợp giữa hướng bố cục công trình và các khoảng lùi, không gian đóng mở hợp lý, đảm bảo khả năng khai thác các không gian dịch vụ tại các tuyến phố, tạo dựng những điểm dừng chân, những điểm không gian giao lưu công cộng; cần tạo sự kết nối giữa khu cũ và khu mới, thông qua các không gian cây xanh công cộng.

- Khuyến khích kết hợp nhiều lô đất để xây dựng công trình có khối tích lớn hơn nhà hàng, thương mại dịch vụ,..) đan xen với các dãy phố liền kề để tạo ra cấu trúc đô thị đa dạng, gắn với những không gian đóng mở.

b) Các khu dân cư hiện hữu đan xen các quỹ đất dự trữ phát triển mới các chức năng đô thị - Khu II.

- Các khu dân cư hiện hữu đan xen đất canh tác nông nghiệp quy mô nhỏ, hiện có cấu trúc chủ yếu là nhà vườn mật độ thấp, cần cải tạo, nâng cao chất lượng môi trường sống và giá trị cảnh quan. Có thể nâng mật độ xây dựng và nâng tầng cao xây dựng theo nhu cầu và khả năng thực tế, nhưng cần tuân thủ các quy định cụ thể của đồ án về mật độ xây dựng tối đa, tầng cao xây dựng tối đa.

- Nâng cấp hệ thống giao thông và hạ tầng, đặc biệt cần bổ sung và nâng cấp các tuyến đường kết nối với trung tâm Phố Hoa.

- Một số quỹ đất nông nghiệp đan xen giữa các cụm dân cư đã được quy hoạch có thể tiếp tục canh tác hoặc chuyển đổi chức năng khi có nhu cầu, trong đó cần ưu tiên tổ chức đường giao thông kết hợp thoát nước, sân chơi công cộng.

- Khu vực làng xóm mật độ thấp tạo cảm giác thân thiện, an toàn, cùng với hệ thống không gian mở đan xen giúp môi trường sống thoáng đãng, thuận lợi cho phát triển các hoạt động cộng đồng và du lịch sinh thái, gắn với không gian sản xuất nông nghiệp.

- Giải pháp kiến trúc công trình cần lưu ý kết nối, chuyển tiếp hài hòa giữa các công trình xây dựng mới với các khu vực xây dựng công trình hiện hữu, cần chú ý kết hợp giữa hướng bố cục công trình và các khoảng lùi, không gian đóng mở hợp lý để tạo ra nhịp điệu không gian, hình thành nên các cụm không gian trung tâm trong mỗi khu dân cư hiện hữu (đan xen các quỹ đất xây dựng mới).

c) Khu vực sản xuất nông nghiệp và công viên sinh thái nông nghiệp - Khu III.

- Hiện trạng đan xen giữa các quỹ đất nông nghiệp với các khu dân cư được đô thị hóa là điều kiện thuận lợi để phát triển nông nghiệp đô thị gắn với mô hình đô thị sinh thái nông nghiệp, có dịch vụ đi kèm.

- Tổ chức khu vực sinh thái nông nghiệp với các tuyến đường dạo, các điểm nghỉ, dừng chân, cắm trại đan xen trên đồng ruộng hoặc tại điểm tiếp giáp giữa khu dân cư và đồng ruộng.

- Đan xen các tiện ích công cộng, các điểm nghỉ, dừng chân nhỏ vào trong không gian sản xuất nông nghiệp, để tạo ra các không gian vui chơi, giải trí đa dạng, tận dụng giá trị cảnh quan của không gian sản xuất nông nghiệp sạch.

d) Khu vực dịch vụ du lịch sinh thái - Khu IV.

- Là khu vực có cảnh quan mặt nước kết hợp với vườn Cò đặc trưng của xã Bắc Lý, có tiềm năng khai thác giá trị cảnh quan sinh thái để tổ chức các hoạt động dịch vụ du lịch.

- Cần duy trì và phát triển rừng cò, khuyến khích tăng diện tích nuôi cò.

e) Khu vực sản xuất công nghiệp, kho tàng - Khu V.

- Ưu tiên các chức năng công nghiệp và dự trữ phát triển công nghiệp tại các khu vực có điều kiện về quỹ đất và kết nối hạ tầng thuận lợi;

- Cần đặc biệt chú trọng kiểm soát môi trường tại các khu, cụm và cơ sở sản xuất công nghiệp;

Khuyến khích các dự án sản xuất sạch bố trí phân tán, đan xen trong các khu dân cư hoặc gần các khu dân cư, nhằm tránh sự quá tải do tập trung công nghiệp quy mô lớn và giảm nhu cầu giao thông do đi lại của người lao động.

5. Giải pháp tổ chức mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Quy hoạch giao thông:

- *Giao thông đối ngoại:*

VĐ4, mặt cắt (1-1) rộng 60m, trong đó đường chính $2 \times 10,5\text{m} = 21\text{m}$, dải phân cách giữa 3m, đường gom $2 \times 11\text{m} = 22\text{m}$, dải phân cách giữa đường chính với đường gom $2 \times 2\text{m} = 4\text{m}$, hè đường 2 bên $2 \times 5\text{m} = 10\text{m}$;

- ĐT295, mặt cắt (2-2) rộng 28m, trong đó lòng đường $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{m}$, dải phân cách giữa 1m, vỉa hè 2 bên $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$;

- Mặt cắt (3-3) rộng 30m, trong đó lòng đường $2 \times 8\text{m} = 16\text{m}$, dải phân cách giữa 2m, vỉa hè 2 bên $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$;

- Mặt cắt (4-4) rộng 33m, trong đó lòng đường $2 \times 8,5\text{m} = 17\text{m}$, dải phân cách giữa 4m, vỉa hè 2 bên $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$.

- *Đường khu vực:*

+ Mặt cắt (5-5) rộng 23m, trong đó lòng đường 11m, hè đường 2 bên $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$;

+ Mặt cắt (6-6) rộng 21m, trong đó lòng đường 9m, hè đường 2 bên $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$.

- *Đường phân khu vực, nhóm nhà ở:*

+ Mặt cắt (7-7) là 20m, trong đó lòng đường 8m, hè đường 2 bên $2 \times 6\text{m} = 12\text{m}$;

+ Mặt cắt (8-8) rộng 7,5 trong khu dân cư hiện trạng.

5.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

a) San nền:

- Cao độ nền xây dựng $H \geq 5,5\text{m}$ tuân thủ quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa;

- Các khu vực đã xây dựng: Giữ nguyên địa hình tự nhiên, khi cải tạo và xây dựng công trình mới chỉ san lấp cục bộ, cao độ nền phải đảm bảo kết nối với cao độ nền xung quanh và không được ảnh hưởng tới tiêu thoát nước chung.

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước mưa: xây dựng hệ thống thoát nước riêng (nước thải và nước mưa được thu gom theo hệ thống đường ống riêng);

- Kết cấu công: Chọn kết cấu công hộp bê tông cốt thép đúc sẵn;

- Hướng thoát: Thoát vào công quy hoạch chung và thoát ra ngòi Cầu Trang.

c) Các công tác chuẩn bị kỹ thuật khác:

- Kè ngòi Cầu Trang tránh xói lở, lũ quét. Ưu tiên giải pháp kè sinh thái hoặc sử dụng vật liệu kè thân thiện với cảnh quan môi trường, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và cảnh quan đô thị.

- Đảm bảo hành lang cách ly 5m với ngòi Cầu Trang.

5.3. Quy hoạch cấp nước:

a) Nguồn nước:

Sử dụng nguồn nước từ nhà máy nước liên xã đang xây dựng tại xã Mai Đình nằm phía Nam khu vực quy hoạch (khai thác nước sông Cầu, công suất thiết kế 20.000m³/ngđ);

Mạng lưới đường ống:

Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế dạng mạng vòng (đảm bảo an toàn cấp nước), kết hợp mạng cụt dạng cành cây, có đường kính Ø110mm-Ø500mm để đảm bảo cấp nước bao phủ toàn bộ khu vực thiết kế;

Độ sâu chôn ống tối thiểu cách mặt đất 0,50m, ống qua đường xe chạy độ sâu chôn ống không được nhỏ hơn 0,7m;

Đường ống được thiết kế đến chân công trình.

b) Chữa cháy:

Dùng phương pháp chữa cháy áp lực thấp. Khi có cháy xe cứu hoả đến lấy nước tại các trụ cứu hoả, áp lực cột nước tự do lúc này không được nhỏ hơn 10m.

Trên các tuyến ống có đường kính từ 100mm trở lên, bố trí đặt các trụ cứu hoả. Trụ cứu hoả đặt nổi.

Trụ cứu hoả phải được bố trí ở nơi thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy như: ở ngã ba, ngã tư đường phố.

5.4. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng đô thị:

a) Nguồn điện:

Nguồn điện cung cấp cho khu vực nghiên cứu được lấy từ trạm biến áp 110/35/22kV Đức Thắng công suất 110/22KV - 2x40MVA. Ngoài ra, phụ tải trong khu vực còn được hỗ trợ về nguồn từ trạm 110/22kV Sông Cầu, công suất 1x40MVA.

b) Lưới điện:

- Lưới điện cao thế: Cần đảm bảo hành lang an toàn cho các tuyến điện 500kV, 220kV, 110kV hiện trạng chạy cắt ngang qua khu vực nghiên cứu theo quy định hiện hành;

- Lưới trung thế: Tuyến đường dây 22KV hiện có từ trạm 110KV Đức Thắng đến sẽ được cải tạo, nâng tuyến cho phù hợp với giao thông quy hoạch. Xây dựng mới tuyến đường dây 22KV từ trạm 110KV Sông Cầu kết nối với tuyến đường dây hiện có tạo thành mạch vòng, để cấp nguồn cho các trạm biến áp trong khu vực;

- Lưới điện hạ thế: Lưới điện hạ thế được thiết kế hình tia, riêng các phụ tải tại khu vực trung tâm có yêu cầu đặc biệt thì thiết kế mạch vòng. Hệ thống điện hạ thế sử dụng cấp điện áp 380/220V ba pha 4 dây trung tính nối đất trực tiếp;

- Lưới chiếu sáng đường: Tất cả các tuyến đường chính, đường khu vực, đường nội bộ đều cần có hệ thống chiếu sáng công cộng đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn thiết kế, không gây ô nhiễm ánh sáng. Ưu tiên, khuyến khích phát

triển các loại đèn và hệ thống điều khiển chiếu sáng tập trung, tiết kiệm năng lượng. Khuyến khích xây dựng hệ thống chiếu sáng dùng năng lượng mặt trời để tăng tính sinh thái bền vững.

c) Trạm hạ thế: Tiếp tục phát triển thêm các trạm biến áp tiêu thụ để đáp ứng phụ tải của khu vực. Các trạm 22/0,4KV trong khu vực dựng trạm xây hoặc trạm kios. Bán kính cấp điện của mỗi trạm lưới <300m.

5.5. Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

- Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước;
- Khu vực thiết kế dùng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn;
- Giai đoạn đầu nước thải được thu gom và xử lý phân tán bằng các bể tự hoại;
- Giai đoạn sau khi các trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung đã hình thành, xây dựng bổ sung mạng lưới cống thoát nước và trạm bơm, đưa nước thải về trạm XLNT gần nhất theo quy hoạch để xử lý;
- Nước thải công nghiệp cần được làm sạch đạt tới giới hạn A theo QCVN 40-2011/BTNMT trước khi xả ra môi trường bên ngoài.

b) Quản lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn cần được thu gom, phân loại tại nguồn phát sinh;
- Bố trí các thùng thu gom CTR bằng có nắp đậy tại các khu nhà ở, công trình công cộng;
- Giai đoạn đầu: Xử lý rác thải bằng lò đốt tại các thôn;
- Giai đoạn sau: Rác thải được thu gom và đưa về nhà máy xử lý chất thải rắn của huyện theo quy hoạch chung tại xã Đông Lễ.

c) Quản lý nghĩa trang nhân dân :

- Theo quy hoạch chung đô thị Hiệp Hòa đã được phê duyệt, trong tương lai khu vực nghiên cứu sử dụng nghĩa trang nhân dân tập trung tại khu vực cánh đồng xã Châu Minh, quy mô 3,5ha;
- Trong giai đoạn trước mắt, khi nghĩa trang theo quy hoạch chung chưa hình thành, tiếp tục sử dụng nghĩa trang hiện trạng.

5.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Hệ thống chuyển mạch trong khu vực được nâng cấp và mở rộng dung lượng nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển số lượng thuê bao;
- Truyền dẫn: Nâng cao chất lượng truyền dẫn cáp quang, tiếp tục đầu tư các tuyến cáp quang mới và hoàn thiện những mạch vòng để nâng cao độ tin cậy của mạng;
- Hạ tầng mạng ngoại vi: Từng bước hạ ngầm các loại cáp trên đường phố, để đảm bảo chất lượng thông tin và mỹ quan đô thị và đồng bộ với các cơ sở hạ tầng khác;

- Mạng di động: Các nhà mạng tăng cường xây dựng bổ sung các trạm BTS thân thiện với môi trường theo công nghệ 4G, 5G đáp ứng được nhu cầu trong khu vực nghiên cứu, sử dụng chung trạm thu phát sóng để giảm bán kính phục vụ, tăng chất lượng dịch vụ;

- Mạng internet: Các nhà cung cấp dịch vụ sẽ triển khai mạng Internet tốc độ cao bằng cáp quang đến tận thuê bao.

5.7. Đánh giá môi trường chiến lược:

Đồ án đã đánh giá môi trường chiến lược theo các quy định hiện hành, khi triển khai thực hiện cần tuân thủ các giải pháp để đảm bảo phát triển bền vững, giảm thiểu các tác động ảnh hưởng đến môi trường toàn khu vực.

5.8. Vị trí đường dây, đường ống kỹ thuật:

Hệ thống cấp nước, cấp điện, thoát nước thải và nước mưa đều được bố trí trên phần đất hệ đường quy hoạch.

6. Những hạng mục chính cần ưu tiên đầu tư xây dựng.

- Hạ tầng kỹ thuật: Xây dựng các trục giao thông, hệ thống cấp điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải...;

- Công trình công cộng: Trường học, nhà văn hóa, khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe...

7. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Quy hoạch phân khu Khu vực Bắc Lý, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang” ban hành kèm theo Quyết định này.

(Có Quy định quản lý theo đồ án kèm theo hồ sơ quy hoạch)

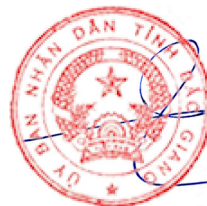
Điều 2. UBND huyện Hiệp Hòa có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND huyện Hiệp Hòa và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công TĐTT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Lưu: VT; XD.Trung.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích